

Số: 2386/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 14 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

**Gói thầu: Chính lý tài liệu tồn đọng gồm: Văn phòng phẩm phục vụ việc
chính lý tài liệu tồn đọng và nhân công chính lý (16 bước)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp, quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh về việc quy định một số nội dung thực hiện việc lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt đề án Chính lý tài liệu tồn đọng tại các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2026;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo số 2349/BC-STC ngày 06/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Chính lý tài liệu tồn đọng gồm: Văn phòng phẩm phục vụ việc chính lý tài liệu tồn đọng và nhân

công chính lý (16 bước), như sau:

1. Tên gói thầu: Chính lý tài liệu tồn đọng gồm: Văn phòng phẩm phục vụ việc chính lý tài liệu tồn đọng và nhân công chính lý (16 bước).

2. Giá gói thầu: 1.045.323.000 đồng (*Một tỷ, không trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi ba ngàn đồng*)

(*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm*)

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh theo Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh.

4. Cơ quan tổ chức lựa chọn nhà thầu: Sở Xây dựng

5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng.

6. Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ.

7. Thời gian thực hiện lựa chọn nhà thầu: Quý III/2022.

8. Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng: 110 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm lập hồ sơ, phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và thanh quyết toán theo quy định; đồng thời, báo cáo kết quả đấu thầu cho Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì cùng với Sở Kế hoạch và Đầu tư, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện đấu thầu của Sở Xây dựng đảm bảo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các CPVP;
- Lưu: VT, TH, NC-KS, KTTH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục

*(Kèm theo Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của
UBND tỉnh Quảng Nam)*

1. Văn phòng phẩm phục vụ việc chỉnh lý tài liệu tồn đọng:

TT	Tên VPP	ĐVT	Số lượng (1 mét tài liệu)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền 1 mét tài liệu (đồng)	Ghi chú
1	Bìa hồ sơ (đã bao gồm 5% tỷ lệ sai hỏng)	tờ	126	2.750	346.500	
2	Tờ mục lục văn bản (đã bao gồm 5% tỷ lệ sai hỏng)	tờ	190	150	28.500	
3	Giấy trắng làm sơ mi khi lập hồ sơ	tờ	126	150	18.900	Giấy trắng khổ A4, định lượng < 70g/m ²
4	Giấy trắng in mục lục hồ sơ, nhãn hộp (đã bao gồm 5% tỷ lệ sai hỏng)	tờ	40	150	6.000	Giấy trắng khổ A4, định lượng > 80g/m ²
5	Giấy trắng viết thống kê tài liệu loại (đã bao gồm 5% tỷ lệ sai hỏng)	tờ	18	150	2.700	Giấy trắng khổ A4, định lượng > 80g/m ²
6	Phiếu tin (đã bao gồm 5% tỷ lệ sai hỏng)	tờ	126	150	18.900	

7	Bút viết bìa	chiếc	5	10.000	50.000	
8	Bút viết phiếu tin, thống kê tài liệu loại	chiếc	1	3.000	3.000	
9	Bút chì để đánh số tờ	chiếc	1/2	3.000	1.500	
10	Mực in mục lục hồ sơ, nhãn hộp	hộp	1/100	500.000	5.000	
11	Cặp, hộp đựng tài liệu	chiếc	7	25.000	175.000	
12	Hồ dán nhãn hộp	lọ	1/4	4.000	1.000	Hồ chất lượng cao, độ bám dính tốt, có hóa chất chống chuột và các côn trùng
13	Dao, kéo cắt giấy, ghim kẹp, dây buộc, bút xóa, chổi lông, các văn phòng phẩm khác.		1	21.000	21.000	
Tổng cộng cho 1 mét VPP					678.000	
Tổng cộng cho 192,6 mét VPP					130.582.800	

2. Nhân công chỉnh lý tài liệu (16 bước).

Đơn giá nhân công chỉnh lý tài liệu (16 bước): 4.749.431 đồng/1 mét

Số lượng chỉnh lý : 192,6 mét

Thành tiền: 192,6 mét x 4.749.431 đồng = **914.740.411 đồng**

3. Tổng giá gói thầu:

Văn phòng phẩm phục vụ việc chỉnh lý tài liệu tồn đọng và Nhân công chỉnh lý (16 bước) (chỉnh lý 192,6 mét tài liệu):

130.582.800 đồng + 914.740.411 đồng = 1.045.323.211 đồng

Làm tròn : 1.045.323.000 đồng

(Một tỷ, không trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi ba ngàn đồng)